

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (ĐHKHCNHN);

Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKHCNHN;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ của Trường ĐHKHCNHN.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với khóa tuyển sinh đào tạo năm học 2025-2026 và sinh viên năm bồi dưỡng tiếng Anh năm học 2024-2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng các khoa, Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ, Trưởng các đơn vị liên quan, cán bộ, giảng viên và các sinh viên của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT;
- Các PHT;
- Lưu: VT, QLĐT.N.

HIỆU TRƯỞNG CHÍNH

Jean-Marc Lavest

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Hình thức, ngôn ngữ và phương thức tổ chức đào tạo.....	3
Điều 3. Học phần, tín chỉ, đề cương học phần	4
CHƯƠNG II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
Điều 4. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ đại học	6
Điều 5. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	7
CHƯƠNG III. TUYỂN SINH	8
Điều 6. Chỉ tiêu và hình thức tuyển sinh	8
Điều 7. Nhập học	8
Điều 8. Điều kiện tổ chức chương trình đào tạo.....	8
CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	8
Điều 9. Kế hoạch giảng dạy.....	8
Điều 10. Học kỳ và thời gian giảng dạy	9
Điều 11. Tổ chức lớp khóa học và lớp học phần	9
Điều 12. Đăng ký học phần và điều chỉnh đăng ký	10
Điều 13. Thực tập tốt nghiệp	11
Điều 14. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ	11
CHƯƠNG V. QUYỀN LỢI/TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA SINH VIÊN, CỐ VẤN HỌC TẬP VÀ GIẢNG VIÊN.....	11
Điều 15. Nghĩa vụ của sinh viên.....	11
Điều 16. Quyền lợi của sinh viên	12
Điều 17. Cố vấn học tập	13
Điều 18. Giảng viên.....	13
CHƯƠNG VI. THI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	14
Điều 19. Đánh giá kết quả học phần.....	14
Điều 20. Cách tính điểm quá trình, điểm học phần, điểm trung bình chung.....	15
Điều 21. Tổ chức kiểm tra và thi kết thúc học phần.....	16
Điều 22. Chấm khóa luận tốt nghiệp	16
Điều 23. Đánh giá kết quả học tập.....	16
Điều 24. Xếp năm đào tạo	17

CHƯƠNG VII. XỬ LÝ HỌC VỤ	18
Điều 25. Hình thức kỷ luật đối với sinh viên	18
Điều 26. Vi phạm quy định về học tập và khung xử lý kỷ luật.....	18
Điều 27. Vi phạm quy định thi, kiểm tra và khung xử lý kỷ luật.....	18
Điều 28. Khung xử lý kỷ luật đối với cán bộ trong các công tác đào tạo	19
Điều 29. Thi lại, thi cải thiện điểm, học lại	19
Điều 30. Cảnh báo học tập và buộc thôi học	20
Điều 31. Nghỉ học tạm thời và thôi học.....	21
Điều 32. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo.....	21
Điều 33. Thủ tục chuyển ngành, chuyển trường.....	22
CHƯƠNG VIII. CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP	22
Điều 34. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng.....	22
Điều 35. Điều kiện tốt nghiệp.....	23
Điều 36. Phân loại tốt nghiệp	23
CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	24

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO TÍN CHỈ

(Ban hành kèm theo Quyết định số **837** /QĐ-ĐHKHCN ngày **09** tháng **9** năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường) bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; quyền/trách nhiệm và nghĩa vụ của sinh viên, giảng viên, cố vấn học tập; thi kiểm tra và đánh giá kết quả học tập; công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ; xử lý học vụ và kỷ luật; điều kiện công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với khoa chuyên môn, khoa Đào tạo đại cương, Trung tâm ngoại ngữ (sau đây gọi tắt là Khoa), cá nhân, đơn vị và tập thể/tổ chức tham gia quá trình đào tạo trình độ đại học tại Trường.

3. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên trình độ đại học bắt đầu từ khóa tuyển sinh năm học 2025-2026 và sinh viên năm bồi dưỡng tiếng Anh năm học 2024-2025.

Điều 2. Hình thức, ngôn ngữ và phương thức tổ chức đào tạo

1. Các hoạt động giảng dạy - học tập được thực hiện tại Trường bằng hình thức chính là hình thức dạy học trực tiếp, có sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên. Căn cứ theo điều kiện thực tế, có thể áp dụng hình thức giảng dạy - học tập trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến. Các hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện tại trường hoặc ngoài trường. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Hiệu trưởng quyết định hình thức đào tạo phù hợp.

2. Tuỳ theo từng học phần, có ba hình thức giảng dạy - học tập:

a) Lý thuyết: sinh viên học tập trực tiếp với giảng viên trên lớp thông qua bài giảng lý thuyết, hướng dẫn làm bài hoặc qua các lớp học video trực tuyến;

b) Thực hành: sinh viên học tập thông qua bài thực hành, thực tập, thí nghiệm, thảo luận, nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên;

c) Tự học bắt buộc: sinh viên tự học tập và nghiên cứu tài liệu theo hình thức cá nhân hoặc tổ/nhóm ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch, nhiệm vụ và nội dung do giảng viên phân công và được kiểm tra, đánh giá; kết quả kiểm tra đánh giá cho các hoạt động học tập này được tính làm thành phần của điểm học phần.

3. Ngôn ngữ giảng dạy - học tập cho các học phần của chương trình đào tạo là tiếng Anh, ngoại trừ các học phần điều kiện (được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 3 của Quy chế này), học phần ngoại ngữ và một số học phần của ngành đặc thù. Đối với trường hợp học phần ngành học đặc thù, ngôn ngữ sử dụng sẽ được quy định cụ thể trong thiết kế chương trình đào tạo.

4. Phương thức đào tạo theo tín chỉ:

a) Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của các đơn vị đào tạo;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 3. Học phần, tín chỉ, đề cương học phần

1. Học phần là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần được tổ chức giảng dạy trong một học kỳ và được ký hiệu bằng một mã học phần do Trường quy định và được bố trí giảng dạy bởi một hay nhiều giảng viên. Các loại học phần:

a) Học phần cốt lõi (bắt buộc) là học phần có những nội dung kiến thức chính yếu của chương trình đào tạo. Sinh viên bắt buộc phải hoàn thành học phần này.

b) Học phần tự chọn là học phần có những nội dung kiến thức cần thiết, sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá định hướng chuyên môn theo quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

c) Học phần tiên quyết của một học phần A là học phần mà sinh viên phải tích lũy trước khi được phép đăng ký học học phần A đó.

d) Học phần tương đương là học phần thuộc cùng khối kiến thức và cùng số tín chỉ trong các chương trình đào tạo cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành, cùng lĩnh vực tương ứng có thể thay thế nhau.

e) Học phần thay thế là học phần được sử dụng thay thế cho một học phần đã được thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy trong chương trình đào tạo.

f) Học phần học trước của học phần A là học phần mà sinh viên phải hoàn thành quá trình học tập trước khi đăng ký học phần A đó. Quá trình học tập của học phần học trước được coi là hoàn thành nếu sinh viên có tham gia thi kết thúc học phần.

g) Học phần điều kiện là các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh, Triết học (áp dụng cho sinh viên Việt Nam) và kỹ năng bổ trợ. Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình chung nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp.

2. Tín chỉ (TC) là đơn vị tính khối lượng học tập của sinh viên dựa trên số giờ học. Trường sử dụng hệ thống chuyển đổi và tích lũy tín chỉ chung châu Âu được viết tắt là ECTS. Một tín chỉ tương đương với 25-30 giờ bao gồm giờ học tập trên lớp và giờ tự học. Chương trình đào tạo đại học tại trường được thiết kế theo tiến trình Bologna (mô hình được sử dụng ở nhiều quốc gia ở Châu Âu), bao gồm 180 tín chỉ trong 3 năm, tương đương tích lũy trung bình 30 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Phân bổ thời lượng học tập (lên lớp lý thuyết, bài tập/thảo luận, thí nghiệm/thực hành, tự học) cho mỗi học phần được xác định theo yêu cầu của từng học phần và được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết học phần.

3. Đề cương chi tiết của mỗi học phần được cung cấp cho sinh viên trước khi học phần được tổ chức giảng dạy. Đề cương chi tiết học phần phải bảo đảm các nội dung cơ bản sau:

a) Thông tin về học phần (tên học phần, mã học phần, cốt lõi (bắt buộc) hay tự chọn hay điều kiện, số lượng tín chỉ, các học phần tiên quyết...);

b) Thông tin về giảng viên;

c) Đề cương nội dung giảng dạy của học phần và thời lượng giảng dạy (lý thuyết, thực hành, bài tập) phân bổ cho từng nội dung;

d) Mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, cấu trúc điểm thành phần;

e) Học liệu (giáo trình, tài liệu tham khảo);

f) Các yêu cầu và quy định về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần.

4. Việc điều chỉnh, bổ sung, cập nhật những nội dung cơ bản của học phần phải được Hiệu trưởng phê duyệt.

CHƯƠNG II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 4. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ đại học

1. Chương trình đào tạo trình độ đại học được hoàn thành trong thời gian 03 - 05 năm tùy chương trình đào tạo. Cấu trúc một chương trình đào tạo chuẩn được quy định như sau:

Năm học	Số tín chỉ	Chương trình đào tạo
B0	60	Năm bồi dưỡng tiếng Anh
B1	60	Năm đào tạo cơ bản
B2	60	Năm đào tạo cơ sở ngành
B3	60	Năm đào tạo chuyên sâu cho tất cả các ngành đào tạo
Từ B4 (nếu có)	60	Năm đào tạo chuyên sâu cho ngành đào tạo đặc thù

Trong đó, năm bồi dưỡng tiếng Anh B0 được tổ chức cho sinh viên chưa đạt năng lực tiếng Anh đầu vào. Việc phân loại sinh viên phải theo học năm bồi dưỡng tiếng Anh B0 do Hội đồng Tuyển sinh quyết định dựa trên kết quả đánh giá về năng lực tiếng Anh của sinh viên.

Sinh viên đạt trình độ tiếng Anh đầu vào tương đương IELTS 4.0 - 4.5:

- Được miễn các học phần tiếng Anh B0 giai đoạn 01 và được công nhận kết quả 20/20 cho các học phần đó. Kết quả này được tính để xét học bổng cho năm B0;
- Được miễn một phần học phí theo Quy định về học phí và phí dịch vụ đào tạo hiện hành.

2. Mỗi chương trình đào tạo được chia làm 03 nhóm học phần:

STT	Nhóm học phần	Mô tả chi tiết
1	Nhóm I: Khối học phần cốt lõi (bắt buộc)	- Học phần cung cấp kiến thức cốt lõi (bắt buộc) của chương trình đào tạo. - Học phần thực tập tốt nghiệp.
2	Nhóm II: Khối học phần tự chọn chuyên ngành	Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo.
3	Nhóm III: Khối học phần tự chọn mở rộng	Học phần cung cấp các kiến thức mở rộng có thể không liên quan đến ngành đào tạo.

3. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học không quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa.

Điều 5. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra là là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo tại Trường được công bố trên website chính thức của Trường và các tài liệu liên quan đến hoạt động của Trường.

3. Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ: Sinh viên đạt trình độ tiếng Anh tương đương B2 và tiếng Pháp tương đương A1 theo Khung tham chiếu Châu Âu được xác định và công nhận dựa trên căn cứ là kết quả kiểm tra đánh giá nội bộ hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ được xét tương đương.

4. Chương trình đào tạo tại Trường bảo đảm năng lực chung của sinh viên khi tốt nghiệp:

a) Vận dụng kiến thức khoa học, công nghệ và kỹ thuật để giải quyết các vấn đề thực tiễn;

b) Sử dụng thành thạo các kỹ thuật, kỹ năng và công cụ hiện đại trong lĩnh vực chuyên môn;

c) Thực hiện nghiên cứu, phân tích kết quả và duy trì khả năng tự học;

d) Làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và giao tiếp tốt trong môi trường nghề nghiệp - xã hội;

e) Nhận thức và có hiểu biết về tác động của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh toàn cầu và địa phương;

f) Hiểu biết các vấn đề xã hội đương đại, có trách nhiệm với cộng đồng, sẵn sàng phát triển thành một công dân toàn cầu.

5. Riêng đối với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hàng không (áp dụng với hướng Kỹ thuật Bảo dưỡng B1 + B2), ngoài việc bảo đảm năng lực chung như quy định tại khoản 4 Điều này, chương trình đào tạo còn bảo đảm sinh viên đạt từ 75% tổng điểm QCM (câu hỏi lượng giá kiến thức) và tham dự trên 90% thời lượng của khóa học để có đủ năng lực dự kỳ thi B1/B2 do Cục Hàng không Việt Nam (CAAV) tổ chức.

CHƯƠNG III. TUYỂN SINH

Điều 6. Chỉ tiêu và hình thức tuyển sinh

1. Hằng năm, căn cứ vào các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, nhu cầu xã hội và tình hình sinh viên có việc làm đúng chuyên môn sau khi tốt nghiệp, Trường lập báo cáo các điều kiện xác định chỉ tiêu và trình Hiệu trưởng quyết định.
2. Trường tuyển sinh theo phương thức riêng và sử dụng kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT được công bố trong Thông tin tuyển sinh trình độ đại học của năm học đó.

Điều 7. Nhập học

1. Khi nhập học, thí sinh trúng tuyển thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của nhà trường. Mọi thủ tục đăng ký và khai báo thông tin cá nhân phải được hoàn thành chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhập học;
2. Phòng Công tác sinh viên tổ chức nhập học, tiếp đón sinh viên và cung cấp đầy đủ các thông tin: mã số sinh viên, kế hoạch học tập, quy chế đào tạo trình độ đại học, quy chế sinh viên và các quy định liên quan khác của Trường.

Điều 8. Điều kiện tổ chức chương trình đào tạo

Sau khi tiếp nhận hồ sơ nhập học, nếu chương trình đào tạo nào không đạt đủ số sinh viên để có thể tổ chức dạy và học hiệu quả (10 sinh viên), Hiệu trưởng xem xét và quyết định tổ chức chương trình đào tạo cho khóa học đó. Trong trường hợp không tổ chức chương trình đào tạo, sinh viên đã nhập học sẽ được tư vấn để chuyển sang chương trình đào tạo ngành gần nếu sinh viên đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo. Trong các trường hợp đặc biệt khác, Hiệu trưởng xem xét quyết định.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 9. Kế hoạch giảng dạy

1. Hằng năm, phòng Quản lý đào tạo làm việc với các đơn vị liên quan để xây dựng kế hoạch giảng dạy và báo cáo Hiệu trưởng. Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành và giao các đơn vị có liên quan thực hiện.
2. Đầu khóa học, phòng Quản lý đào tạo, Khoa thông báo tới sinh viên về:
 - a) Chương trình, kế hoạch giảng dạy của từng ngành học;
 - b) Điều kiện bảo đảm chất lượng và tiêu chuẩn của khóa học;
 - c) Quy chế đào tạo hiện hành.

3. Kế hoạch giảng dạy của năm học và thời khoá biểu học kỳ được Khoa và phòng Quản lý đào tạo thông báo tới các đơn vị, giảng viên và sinh viên trong toàn trường tối thiểu 02 tuần trước khi bắt đầu học kỳ.

Điều 10. Học kỳ và thời gian giảng dạy

1. Một năm học gồm 02 học kỳ.
2. Học phần điều kiện về nghĩa vụ Giáo dục quốc phòng - an ninh được tổ chức hằng năm.
3. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy từ thứ Hai đến thứ Bảy.
4. Thời khoá biểu của các lớp học phần được bố trí trong các tuần của học kỳ. Một giờ lên lớp được tính bằng 50 phút.

Buổi sáng		Buổi chiều	
Tiết	Thời gian	Tiết	Thời gian
1	07h30 – 08h20	6	13h00 – 13h50
2	08h25 – 09h15	7	13h55 – 14h45
3	09h25 – 10h15	8	14h55 – 15h45
4	10h25 – 11h15	9	15h55 – 16h45
5	11h20 – 12h10	10	16h50 – 17h40

Điều 11. Tổ chức lớp khóa học và lớp học phần

1. Lớp khóa học là lớp gồm các sinh viên học cùng một ngành, trong cùng một khóa. Lớp khóa học có lớp trưởng và/hoặc các lớp phó (được bầu hoặc do Khoa chỉ định).
2. Lớp học phần là lớp được tổ chức cho sinh viên học cùng một học phần theo cùng thời khoá biểu. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định và có thể được sử dụng trong nhiều chương trình đào tạo. Giảng viên dạy học phần có trách nhiệm quản lý lớp.
3. Học phần cốt lõi (bắt buộc) được tổ chức ít nhất 01 lớp học phần/năm học.
4. Học phần tự chọn sẽ không được tổ chức nếu số sinh viên đăng ký ít hơn 10. Khi đó sinh viên phải đăng ký học phần tương đương khác để hoàn thành số lượng tín chỉ bắt buộc cho học kỳ. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

Điều 12. Đăng ký học phần và điều chỉnh đăng ký

1. Số tín chỉ tối thiểu sinh viên cần tích lũy trong toàn khóa học (không gồm các tín chỉ của năm bồi dưỡng tiếng Anh B0) là 180 tín chỉ. Số tín chỉ tối thiểu của các ngành đặc thù được quy định trong chương trình đào tạo của ngành.

2. Đăng ký học phần là hoạt động bắt buộc của sinh viên cho mỗi học kỳ. Đối với các học phần có nhiều lớp thành phần (lớp lý thuyết, bài tập, thực hành, thí nghiệm,...), sinh viên phải đăng ký đủ các lớp thành phần theo yêu cầu.

3. Đối với sinh viên năm thứ nhất, Trường sắp xếp học kỳ đầu tiên theo kế hoạch đào tạo chuẩn. Từ học kỳ hai, sinh viên tự đăng ký khối lượng học tập.

4. Tổng số tín chỉ của các học phần trong một học kỳ được tính bao gồm học phần đăng ký mới và học phần học lại. Khối lượng học tập phải đăng ký trong mỗi học kỳ tối thiểu 20 tín chỉ và tối đa 40 tín chỉ, không áp dụng với sinh viên năm cuối và sinh viên thuộc diện bảo lưu thời gian học tập giữa kỳ.

5. Cố vấn học tập tư vấn cho sinh viên đăng ký các học phần phù hợp với nhu cầu và điều kiện học tập của sinh viên. Việc đăng ký học phần của từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình đào tạo cụ thể.

6. Sinh viên không tham gia học các học phần đã đăng ký được xem như tự ý bỏ học và nhận điểm 0.

7. Sinh viên được đăng ký các học phần tự chọn theo nguyện vọng cá nhân. Nếu sinh viên tích lũy số tín chỉ nhiều hơn yêu cầu của chương trình đào tạo thì các học phần tự chọn có điểm cao sẽ được tính vào điểm trung bình chung tích lũy. Các học phần tự chọn đã tích lũy còn lại sẽ được ghi nhận trong Bảng điểm/Phụ lục văn bằng (tại mục các học phần phụ trợ) nhưng không được tính vào điểm trung bình chung tích lũy. Trường hợp sinh viên muốn điều chỉnh, phải làm đơn gửi khoa chậm nhất 02 tuần trước khi Hội đồng xét tốt nghiệp.

8. Rút khỏi lớp học phần đã đăng ký: ngoài thời gian theo quy định, sinh viên có thể làm đơn xin rút học phần trong vòng 02 tuần học đầu tiên với điều kiện đủ tín chỉ đăng ký tối thiểu và sẽ không được hoàn học phí.

9. Sinh viên có thể chuyển lớp, hủy lớp hoặc đăng ký lớp bổ sung theo thông báo của Trường. Mọi thay đổi chỉ được chấp nhận khi sinh viên nộp đơn đúng thời hạn và được phê duyệt đơn.

Điều 13. Thực tập tốt nghiệp

1. Sinh viên có thể thực tập tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp (phương án thi tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp do khoa đề xuất và Hiệu trưởng quyết định việc triển khai và thực hiện).

2. Sinh viên được đăng ký học phần thực tập tốt nghiệp khi đã tích lũy được tối thiểu 126 tín chỉ, trong đó có ít nhất 90 tín chỉ học phần cốt lõi. Thời gian thực tập tốt nghiệp là 03 tháng. Nội dung thực tập liên quan trực tiếp đến khóa luận tốt nghiệp của sinh viên. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp được tính bằng 12 - 15 tín chỉ.

3. Khoa chuyên môn trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách sinh viên thực tập và các thông tin về người hướng dẫn, đề tài thực tập tốt nghiệp. Nơi thực tập là các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu và phòng thí nghiệm tại Việt Nam và nước ngoài.

4. Khóa luận tốt nghiệp phải được viết bằng tiếng Anh, được Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp đánh giá.

5. Lãnh đạo khoa chuyên môn có quyền không cho sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trong trường hợp chất lượng báo cáo không bảo đảm dựa trên ý kiến của phản biện hoặc người hướng dẫn.

Điều 14. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một chương trình đào tạo khác hoặc từ một cơ sở đào tạo đại học khác được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của Trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình.

3. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo mà sinh viên đang theo học tại Trường.

CHƯƠNG V. QUYỀN LỢI/TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA SINH VIÊN, CỐ VẤN HỌC TẬP VÀ GIẢNG VIÊN

Điều 15. Nghĩa vụ của sinh viên

1. Sinh viên đi học phải tuân thủ thời khóa biểu, đi học đầy đủ, đúng giờ. Giảng viên điểm danh trực tiếp trong buổi học.

2. Sinh viên phải tuân thủ các quy định của Nhà trường.

3. Sinh viên phải tuân thủ quy định học tập của giảng viên trong suốt quá trình học.

4. Trong trường hợp ốm đau hay tai nạn, sinh viên phải nộp giấy tờ xác nhận hợp pháp của cơ sở y tế cho Trợ lý khoa trong vòng 03 ngày kể từ ngày thi hoặc hạn chót nộp bài tập.

5. Mọi hành vi thiếu trung thực trong học tập bao gồm gian lận, sao chép và dung túng cho các hành vi thiếu trung thực đều bị nghiêm cấm và xử lý.

6. Sinh viên đi thực tập phải tuân thủ đầy đủ các quy định của đơn vị tiếp nhận thực tập và các quy định liên quan của Trường.

Điều 16. Quyền lợi của sinh viên

1. Được cung cấp đầy đủ thông tin chương trình, kế hoạch giảng dạy của khóa học, năm học, học kỳ và học phần.

2. Được tạo điều kiện trong học tập, xét cấp học bổng dựa trên kết quả học tập, tham gia hoạt động nghiên cứu, công bố các công trình khoa học và công nghệ.

3. Được khuyến khích chia sẻ quan điểm trực tiếp tới Khoa, phòng Công tác sinh viên, phòng Quản lý đào tạo, phòng Bảo đảm chất lượng và Khảo thí về chương trình đào tạo, phương pháp, nội dung giảng dạy của giảng viên trong các học phần cụ thể.

4. Được cấp bằng điểm học tập 01 lần/01 năm học khi có yêu cầu. Đối với các hỗ trợ khác, sinh viên cần đề nghị bằng văn bản tới Khoa hoặc các đơn vị chuyên trách.

5. Được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp quy định tại Điều 31 của Quy chế này.

6. Với các hỗ trợ khác liên quan đến đào tạo, sinh viên cần đề nghị bằng văn bản gửi đến phòng Quản lý đào tạo.

7. Được phép thôi học vì lý do cá nhân. Trong trường hợp này, sinh viên phải hoàn thành thủ tục xin thôi học của Trường được quy định tại Điều 31 của Quy chế này.

8. Sinh viên được phép tốt nghiệp sớm hơn khi đã đáp ứng toàn bộ điều kiện tốt nghiệp của chương trình đào tạo hoặc tốt nghiệp chậm hơn so với thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học được quy định tại điểm 3 Điều 4 của Quy chế này.

Điều 17. Cố vấn học tập

Cố vấn học tập là vị trí được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ quản lý lớp khóa học của ngành học trên cơ sở đề nghị của Lãnh đạo khoa. Cố vấn học tập phải là giảng viên cơ hữu của Trường.

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Cố vấn học tập:

a) Tư vấn sinh viên lựa chọn đăng ký các học phần, tiến độ và khối lượng học tập phù hợp với nhu cầu và điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Tư vấn phương pháp học tập, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm giúp sinh viên đạt yêu cầu chuẩn đầu ra;

c) Hỗ trợ sinh viên giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong học tập. Nhắc nhở sinh viên trong trường hợp nhận thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút hoặc các trường hợp nhận cảnh báo học tập;

d) Báo cáo Lãnh đạo khoa chuyên môn những vấn đề liên quan đến chương trình và chất lượng đào tạo của ngành được giao phụ trách vào các thời điểm cuối học kỳ, cuối năm học, hoặc khi được yêu cầu.

2. Quyền lợi của Cố vấn học tập:

a) Được giảm số giờ dạy định mức nêu trong Quy định chế độ làm việc dành cho giảng viên của Trường, hưởng phụ cấp theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường;

b) Được bố trí thời gian tham gia các khóa học tập huấn nghiệp vụ liên quan.

Điều 18. Giảng viên

1. Nhiệm vụ của giảng viên:

a) Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác theo đúng đề cương học phần và kế hoạch giảng dạy đã được phê duyệt;

b) Tiếp thu các đánh giá và thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy; phát triển năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, tư duy sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp;

c) Theo dõi và kiểm tra đánh giá sinh viên nghe giảng, thảo luận trên lớp, thực tập, thí nghiệm, làm việc theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu theo đề cương đã công bố.

2. Quyền lợi của giảng viên:

a) Giảng viên có quyền không cho thi, không cho vào lớp học, mời sinh viên ra khỏi lớp học nếu sinh viên vi phạm kỷ luật và các quy định trên lớp học do giảng viên đề ra;

b) Được bố trí thời gian tham gia các khóa học tập huấn nghiệp vụ liên quan.

CHƯƠNG VI. THI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 19. Đánh giá kết quả học phần

1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập bằng điểm tổng hợp đánh giá các học phần (gọi tắt là điểm học phần). Điểm học phần được quy định như sau:

a) Đối với các học phần chuyên môn, điểm học phần bao gồm:

- Điểm quá trình: chiếm trọng số từ 20% - 50% điểm của toàn học phần, được đánh giá căn cứ vào các điểm thành phần: điểm thảo luận; điểm thực hành; điểm chuyên cần; điểm kiểm tra thường kỳ, định kỳ, giữa học phần; điểm tiểu luận và thuyết trình..., do giảng viên quy định và công bố trước cho sinh viên qua Đề cương chi tiết học phần;

- Điểm thi kết thúc học phần: chiếm trọng số từ 50% - 80% của điểm học phần.

b) Đối với học phần khóa luận tốt nghiệp, dự án nhóm: sinh viên thực hiện báo cáo khóa luận tốt nghiệp, dự án nhóm theo sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách; thuyết trình trước Hội đồng đánh giá. Điểm khóa luận tốt nghiệp, dự án nhóm được tính dựa trên các điểm thành phần như sau:

- Điểm đánh giá từ người hướng dẫn (20%);
- Điểm đánh giá từ người phản biện (30%);
- Điểm đánh giá từ hội đồng (50%).

2. Kiểm tra đánh giá định kỳ, giữa kỳ là hoạt động của giảng viên vào các thời điểm đã được quy định trong đề cương chi tiết học phần, nhằm đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên ở từng giai đoạn tương ứng.

3. Phần thực hành của học phần được đánh giá như sau:

a) Thực hành của học phần bao gồm các hoạt động trong phòng thí nghiệm hoặc đi thực tế bên ngoài;

b) Trọng số điểm thực hành trong học phần do giảng viên quy định và phải được Lãnh đạo khoa phê duyệt.

4. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá học phần và trọng số của các điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần do giảng viên quy định trong đề cương học phần đã được Lãnh đạo khoa phê duyệt.

5. Bài thi kết thúc học phần có thể thực hiện bằng các hình thức thi thuyết trình, trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, tiểu luận, bài tập nhóm hoặc kết hợp các hình thức trên.

6. Đề kiểm tra, đề tài tiểu luận, nội dung bài tập lớn và đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong đề cương chi tiết học phần.

Điều 20. Cách tính điểm quá trình, điểm học phần, điểm trung bình chung

1. Điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 20 (từ 0 đến 20), có lẻ đến 01 chữ số thập phân.

2. Đối với học phần tiếng Pháp, sinh viên được miễn học nếu cung cấp chứng chỉ tiếng Pháp DELF A2 trở lên (hoặc TCF từ 200 điểm trở lên còn giá trị tính đến thời điểm bắt đầu học phần) trước khi kết thúc học phần. Sinh viên có chứng chỉ DELF A2 hoặc TCF 200 điểm được tính điểm tối đa đối với các học phần tiếng Pháp cốt lõi; được miễn học nhưng vẫn phải dự thi và lấy kết quả học phần theo kết quả thi đối với các học phần tiếng Pháp tự chọn. Sinh viên có chứng chỉ DELF B1 hoặc TCF 300 điểm trở lên được miễn học, miễn thi, tính điểm tối đa cho tất cả các học phần tiếng Pháp cốt lõi và tự chọn trong chương trình. Các học phần tiếng Pháp thuộc các chương trình đào tạo song bằng được quy định riêng. Sinh viên được giảm tiền học đối với tín chỉ được công nhận điểm theo Quy định về học phí và phí dịch vụ đào tạo hiện hành.

3. Sinh viên không tham dự kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra thực hành sẽ bị tính điểm 0 vào điểm thành phần nhưng vẫn được phép tham gia kỳ thi cuối kỳ.

4. Điểm học phần là trung bình cộng các điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần theo trọng số được quy định trong Đề cương chi tiết học phần và được làm tròn đến 01 chữ số thập phân. Điểm học phần được quy đổi từ thang điểm 20 sang các thang điểm 4 và thang điểm chữ theo bảng sau:

Đánh giá	Thang điểm 20	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	17,0 - 20,0	A+	4,0
	15,0 - 16,9	A	3,6
	14,0 - 14,9	B+	3,2
	13,0 - 13,9	B	2,5
	12,0 - 12,9	C+	2,3
	11,0 - 11,9	C	2,0
	10,0 - 10,9	D	1,5
Không đạt	0,0 - 9,9	F	0,0

5. Thang điểm 20 là thang điểm đánh giá chính thức, được dùng để xét học vụ, xét tốt nghiệp, đánh giá học tập và xếp loại kết quả học tập của sinh viên. Một học phần được xem là *đạt (được tích lũy)* nếu điểm đánh giá học phần đạt từ 10,0 trở lên. Sinh viên có điểm đánh giá học phần dưới 10,0 được xem là *không đạt*.

6. Cách tính điểm trung bình chung:

Điểm trung bình chung học kỳ, năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 02 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i * n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ, mỗi năm hoặc trung bình chung tích lũy;

a_i là điểm của học phần thứ i ;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n là tổng số học phần.

Điều 21. Tổ chức kiểm tra và thi kết thúc học phần

Việc kiểm tra và chấm điểm quá trình của mỗi học phần do giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần đó thực hiện. Việc tổ chức thi được thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức thi hiện hành.

Điều 22. Chấm khóa luận tốt nghiệp

1. Lãnh đạo khoa chuyên môn đề nghị danh sách Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp gồm ít nhất 03 thành viên và trình Hiệu trưởng phê duyệt ít nhất một tuần trước buổi bảo vệ.

2. Khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 20, được làm tròn đến 01 chữ số thập phân.

3. Điểm khóa luận tốt nghiệp được thông báo công khai trong vòng 01 tuần sau khi các Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp hoàn thành nhiệm vụ và sinh viên nộp lại luận văn đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng.

4. Trong trường hợp bảo vệ khóa luận tốt nghiệp không đạt, sinh viên phải báo cáo lại/thực tập lại tùy theo quyết định của Hội đồng chấm khóa luận và phải đóng phí bảo vệ lại/thực tập lại.

Điều 23. Đánh giá kết quả học tập

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ theo các tiêu chí sau:

a) Tổng số tín chỉ mà sinh viên đã đăng ký trong mỗi học kỳ.

b) Khối lượng tín chỉ tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã hoàn thành và được đánh giá đạt tính từ đầu khóa học.

c) Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại Đạt và Không đạt).

d) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

2. Kết quả đánh giá học phần điều kiện (Triết học, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ...) không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

3. Điểm trung bình chung mỗi năm học được dùng để xét tình trạng học tập, học bổng, khen thưởng sau mỗi năm học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

Điều 24. Xếp năm đào tạo

1. Xếp năm đào tạo là sự đánh giá tiến độ học tập của sinh viên căn cứ vào số tín chỉ sinh viên đã tích lũy so với số tín chỉ trung bình cần tích lũy trong mỗi năm tương ứng với chương trình đào tạo. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào số tín chỉ tích lũy, sinh viên được xếp năm đào tạo như sau:

Xếp năm đào tạo	Số tín chỉ tích lũy
Năm B0	< 60/IELTS < 5.0
Năm B1	< 40
Năm B2	40 - 79
Năm B3	Từ 80
Năm B4 (*)	Từ 120
Năm B5 (*)	Từ 160

(*) Áp dụng đối với các ngành đặc thù

5. Sinh viên được xét hoàn thành năm bồi dưỡng tiếng Anh B0 nếu đạt một trong các điều kiện sau đây:

- Hoàn thành quá trình học tập của toàn bộ 60 tín chỉ trong chương trình (có mặt ít nhất 70% thời lượng học tập của từng học phần) và tích lũy được tối thiểu 40/60 tín chỉ (có kết quả đạt), hoặc;
- Có chứng chỉ tiếng Anh tương đương IELTS 5.0 trở lên. Các sinh viên đạt điều kiện này được đăng ký học ngay các học phần của năm đào tạo cơ bản.

6. Trong quá trình học tập chương trình năm bồi dưỡng tiếng Anh B0, để được công nhận hoàn thành chương trình trước thời hạn và đăng ký học trước một số học phần của năm đào tạo cơ bản, sinh viên có thể đăng ký bổ sung chứng chỉ tiếng Anh tương đương IELTS 5.0 trở lên với các điều kiện như sau:

- Có chứng chỉ tiếng Anh tương đương IELTS 5.0 trở lên;
- Không bị cấm thi bất cứ học phần nào trong chương trình tính đến thời điểm nộp chứng chỉ.

CHƯƠNG VII. XỬ LÝ HỌC VỤ

Điều 25. Hình thức kỷ luật đối với sinh viên

Tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, một trong các hình thức kỷ luật sẽ được áp dụng theo quy định của Quy chế sinh viên hiện hành.

Điều 26. Vi phạm quy định về học tập và khung xử lý kỷ luật

1. Đến muộn giờ học, giờ thực tập thường xuyên, có hệ thống: giảng viên nhắc nhở và được quyền không cho sinh viên vào lớp nếu sinh viên đến muộn theo quy định của lớp học đã được thông báo từ giảng viên và không cho tham dự thi kết thúc học phần nếu sinh viên vắng mặt quá 30% số buổi học. Với những trường hợp không được thi kết thúc học phần, sinh viên phải học lại học phần đó.

2. Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập và tự học: tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở đến mời ra khỏi lớp.

3. Không tuân theo chỉ dẫn của giảng viên trong lớp học, có thái độ chống đối gây ảnh hưởng đến môi trường học tập hoặc an ninh an toàn phòng thí nghiệm: tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học.

4. Nghỉ học không phép hoặc quá phép: tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở đến xóa tên khỏi danh sách sinh viên.

5. Học hộ hoặc nhờ người khác học hộ: tùy theo mức độ, xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học.

Điều 27. Vi phạm quy định thi, kiểm tra và khung xử lý kỷ luật

1. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

2. Nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận học phần, khóa luận tốt nghiệp: tùy theo mức độ, xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Ở mức độ cảnh cáo, sinh viên sẽ phải làm lại và trình bày/bảo vệ lại tiểu luận học phần/khoá luận tốt nghiệp. Điểm học phần hoặc

điểm khoá luận sẽ bị trừ tương ứng với mức độ vi phạm, do Hội đồng kỷ luật quyết định. Thành phần và trình tự làm việc của Hội đồng kỷ luật được quy định trong Quy chế sinh viên hiện hành.

3. Tổ chức học, thi, kiểm tra hộ; tổ chức làm hộ tiểu luận học phần, khóa luận tốt nghiệp: xử lý buộc thôi học; nếu vi phạm nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Vi phạm trong phòng thi: thực hiện theo Quy định quản lý tổ chức thi và chấm thi hiện hành.

Điều 28. Khung xử lý kỷ luật đối với cán bộ trong các công tác đào tạo

Người tham gia công tác tuyển sinh, coi thi, tổ chức thi và chấm thi vi phạm quy định (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau khi kỳ thi đã kết thúc) và các giảng viên vi phạm quy định giảng dạy, tùy theo mức độ, sẽ bị áp dụng các hình thức kỷ luật theo quy định của Trường.

Điều 29. Thi lại, thi cải thiện điểm, học lại

1. Thi lại

a) Sinh viên có điểm học phần dưới 10,0 được tham gia thi lại 01 lần cho mỗi lần đăng ký học phần. Kỳ thi lại được tổ chức ngay sau kỳ thi kết thúc học phần. Điểm thi lại sẽ thay thế điểm thi kết thúc học phần cũ và được tính cùng các điểm thành phần để tính điểm học phần. Điểm học và thi lần cuối cùng là điểm chính thức.

b) Một số học phần thực hành có thể không có kỳ thi lại.

c) Sinh viên vắng mặt tại buổi thi kết thúc học phần có đơn trình bày lý do chính đáng (được Lãnh đạo khoa chấp nhận) có thể được xem xét tham gia vào lần thi khác (nếu có) của học phần đó trong năm và được tính điểm lần 01;

d) Sinh viên được quyền xin phúc tra điểm thi và phải gửi đơn lên khoa trong vòng 01 tuần kể từ ngày công bố điểm;

e) Sinh viên phúc tra, thi lại, đóng phí theo Quy định về học phí và phí dịch vụ đào tạo hiện hành.

2. Thi cải thiện điểm

a) Sinh viên được đăng ký thi cải thiện điểm với học phần có điểm học phần từ 10,0 trở lên và chỉ được đăng ký thi cải thiện điểm 01 lần/học phần và tối đa 10 tín chỉ/học kỳ;

b) Sinh viên được đăng ký thi cải thiện điểm trong kỳ thi kết thúc học phần của lớp học phần tương ứng. Trường hợp điểm thi cải thiện thấp hơn điểm thi trước đó, sinh viên được quyền chọn điểm thi cao hơn và được tính cùng các điểm thành phần của học phần để tính điểm học phần.

c) Trong một số trường hợp đặc biệt, Trường xem xét tổ chức kỳ thi bổ sung. Việc tổ chức và thực hiện do Hiệu trưởng quyết định.

3. Học lại

a) Sinh viên buộc phải học lại trong các trường hợp sau: không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần; thi không đạt cả ở kỳ thi kết thúc học phần và kỳ thi lại đầu tiên;

b) Ngoài các đối tượng áp dụng tại điểm a khoản 3 Điều này sinh viên được đăng ký học lại các học phần đã đạt nếu có nguyện vọng cải thiện kết quả học tập.

Điều 30. Cảnh báo học tập và buộc thôi học

1. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên bị cảnh báo học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng học tập đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ chưa hoàn thành từ đầu khóa vượt quá 30 tín chỉ;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 6,0 đối với học kỳ đầu, dưới 8,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Có số lượng tín chỉ đăng ký học ít hơn 20 tín chỉ.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên không tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 sau thời gian được phép học tại Trường được quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy chế này;

b) Bị cảnh báo học tập 03 học kỳ liên tiếp;

c) Điểm trung bình chung của 02 học kỳ liên tiếp bằng 0;

d) Bỏ học không có lý do trong 01 học kỳ (không có quyết định nghỉ học tạm thời, không đăng ký học, có khối lượng tín chỉ học tập bằng 0);

e) Sau khi hết thời hạn nghỉ học tạm thời, sinh viên không làm thủ tục quay lại học;

f) Sinh viên vi phạm kỷ luật bị Hội đồng kỷ luật ra quyết định buộc thôi học;

g) Vi phạm kỷ luật có tính chất và mức độ nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến Trường và xã hội, hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt tù giam.

Sinh viên có tên trong quyết định buộc thôi học bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên chính thức của Trường. Trong vòng 01 tháng sau khi có quyết định buộc thôi học, Trường có trách nhiệm thông báo đến sinh viên theo địa chỉ email chính thức Trường đã cấp, đồng thời thông báo đến gia đình sinh viên theo địa chỉ sinh viên khai báo với Trường. Học phí học kỳ đã nộp của sinh viên sẽ không được hoàn trả lại.

Điều 31. Nghỉ học tạm thời và thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c) Lý do cá nhân: ốm đau, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định;
- d) Vì lý do cá nhân khác, sinh viên phải hoàn thành ít nhất 01 học kỳ ở trường và không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học hoặc bị xem xét kỷ luật.

2. Để bảo lưu kết quả học, sinh viên phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Trường, đồng thời làm đơn tới phòng Công tác sinh viên, được Lãnh đạo khoa chấp thuận và Hiệu trưởng phê duyệt. Thời gian bảo lưu kết quả học tập mỗi lần tối đa là 01 năm và không quá 02 lần liên tiếp. Sau khi kết thúc thời gian bảo lưu, sinh viên phải liên hệ với Trường để xin gia hạn trong trường hợp muốn kéo dài thời gian bảo lưu. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian sinh viên được phép học tại Trường được quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời nếu muốn học tiếp phải gửi đơn đề nghị tới phòng Công tác sinh viên, được Lãnh đạo khoa chấp thuận và Hiệu trưởng phê duyệt ra quyết định chậm nhất 02 tuần trước khi kết thúc thời gian bảo lưu.

4. Hết thời gian nghỉ học tạm thời, sinh viên không làm đơn quay lại học sẽ bị xem xét xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

5. Sinh viên được xin thôi học vì lý do cá nhân: sinh viên nộp đơn xin thôi học và được Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 32. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

1. Căn cứ vào thỏa thuận công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo giữa Trường và cơ sở đào tạo đối tác, Trường cho phép sinh viên được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại.

2. Việc học tập tại cơ sở đào tạo khác phải được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện hai bên. Tổng số tín chỉ tích lũy tại cơ sở đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (không bao gồm học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh).

Điều 33. Thủ tục chuyển ngành, chuyển trường

1. Chuyển ngành

- a) Sinh viên được đăng ký chuyển ngành sau khi học tối thiểu 01 học kỳ của năm học thứ nhất (B1) và có điểm trung bình tích lũy từ 10,00 trở lên.
- b) Ngành chuyển đến phải là ngành có định hướng gần với ngành đang theo học.
- c) Sinh viên không được đăng ký chuyển ngành khi đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật.
- d) Sinh viên làm đơn đăng ký chuyển ngành theo kế hoạch thông báo của trường. Căn cứ theo nguyện vọng, kết quả học tập và sự phù hợp năng lực học tập của sinh viên, đặc điểm của ngành đào tạo, có sự đồng ý của Lãnh đạo khoa chuyên môn ngành chuyển đi và chuyển đến, phòng Quản lý đào tạo tổng hợp danh sách và tổ chức Hội đồng xét chuyển ngành. Căn cứ kết quả của hội đồng, Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận chuyển ngành. Sinh viên được chuyển ngành phải học các học phần theo quy định của chương trình đào tạo ngành chuyển đến.
- e) Các quy định và hướng dẫn cụ thể được thông báo hằng năm.

2. Chuyển trường

- a) Sinh viên được chuyển đến một cơ sở đào tạo khác khi không là sinh viên năm nhất hoặc năm cuối, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định, đồng thời hoàn tất thủ tục thôi học tại Trường.
- b) Sinh viên từ các cơ sở đào tạo khác được phép chuyển đến học tại Trường nếu đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tin tuyển sinh trình độ đại học năm học đó và được khoa chuyên môn sinh viên đăng ký ngành học đồng ý.
- c) Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

CHƯƠNG VIII. CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 34. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng

- 1. Hội đồng xét tốt nghiệp Trường gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, phòng Công tác sinh viên, các Khoa và các đơn vị liên quan đến đào tạo.
- 2. Khoa chuyên môn gửi danh sách sinh viên được xét tốt nghiệp về phòng Quản lý đào tạo. Phòng Quản lý đào tạo tổng hợp kết quả xét tốt nghiệp, phối hợp với phòng Công tác sinh viên để rà soát, kiểm tra các điều kiện tốt nghiệp của từng sinh viên và lập danh sách sinh viên đủ điều kiện trình Hội đồng xét tốt nghiệp. Hằng năm, Trường tổ chức 04 đợt xét tốt nghiệp.

3. Căn cứ kết quả biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường. Việc thực hiện cấp bằng cho sinh viên được thực hiện theo Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ hiện hành của Trường.

Điều 35. Điều kiện tốt nghiệp

1. Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải:

a) Hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo, điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 10,00 điểm trở lên;

b) Hoàn thành các học phần điều kiện (Triết học, Giáo dục quốc phòng - an ninh...);

c) Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định của Trường;

d) Nộp học phí đầy đủ và hoàn thành các nghĩa vụ bắt buộc khác với Trường;

e) Đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định hiện hành;

f) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

g) Sinh viên học vượt và có đủ điều kiện tốt nghiệp sớm so với thời gian đào tạo chuẩn của khóa học thì phải làm đơn gửi Khoa chuyên môn đề nghị xét tốt nghiệp.

2. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần điều kiện trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

3. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo.

Điều 36. Phân loại tốt nghiệp

1. Phân loại tốt nghiệp của trình độ đại học căn cứ theo tiêu chí sau:

Phân loại	Thang điểm 20	Thang điểm 4
Xuất sắc	17,00 - 20,00	3,60 - 4,00
Giỏi	15,00 - 16,99	3,20 - 3,59
Khá	13,00 - 14,99	2,50 - 3,19
Trung bình khá	12,00 - 12,99	2,00 - 2,49
Trung bình	10,00 - 11,99	1,50 - 1,99

2. Hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về phòng Quản lý đào tạo để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

HIỆU TRƯỞNG CHÍNH



Jean-Marc Lavest